

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Tên học phần (tiếng Việt): **Luật Hiến pháp**

Tên học phần (tiếng Anh): **Constitution Law**

1) Thông tin chung

- Mã số học phần: 011806
- Tổng số tín chỉ: 3 Lý thuyết: 3 Thực hành: 0
- Phân bố thời gian (giờ): 45 Lý thuyết: 30 Thực hành: 15
- Số giờ tự học (giờ): 105
- Khoa Quản lý học phần: Khoa Kinh tế - Luật
- Đối tượng người học: dành cho sinh viên năm thứ 1 - Chương trình Chuẩn
- Học phần thuộc ngành: Luật kinh tế
- Học phần thuộc khối kiến thức:

Đại cương <input type="checkbox"/>		Chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>						
		Cơ sở ngành <input checked="" type="checkbox"/>		Ngành <input type="checkbox"/>			Chuyên ngành <input type="checkbox"/>	
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bổ trợ <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>

- Điều kiện tiên quyết gồm:

Điều kiện tiên quyết: Lý luận nhà nước và pháp luật

Học phần học trước: Không

Học phần song hành: Không

2) Mô tả vắn tắt nội dung học phần

Luật Hiến pháp là học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo chuyên ngành Luật Đầu tư - Kinh doanh. Nội dung học phần tập trung cung cấp kiến thức về những khái niệm cơ bản về Hiến pháp, Luật Hiến pháp; lịch sử lập hiến Việt Nam và một số chế định của Luật Hiến pháp Việt Nam như chế độ chính trị; quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân; các nguyên tắc tổ chức và hoạt động của bộ máy Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; chế độ bầu cử; vị trí pháp lý, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức, hình thức hoạt động của Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ, Tòa án nhân dân và Viện kiểm sát nhân dân các cấp, Chính quyền địa phương.

3) Mục tiêu đào tạo học phần

Học phần này hướng đến cung cấp kiến thức, kỹ năng cho người học để người học có khả năng vận dụng những kiến thức về Luật Hiến pháp để đánh giá tính hợp hiến, hợp

pháp của hoạt động xây dựng và thực hiện pháp luật; đồng thời có thái độ tôn trọng Hiến pháp, học hỏi ứng dụng kiến thức về Luật Hiến pháp.

4) Chuẩn đầu ra của học phần (Chuẩn đầu ra được phân nhiệm ở mức R trong ma trận mối quan hệ CDR của CTĐT với các học phần)

TT	Chuẩn đầu ra của học phần	Lĩnh vực
CLO1	Trình bày khái niệm cơ bản liên quan đến Luật hiến pháp và nắm bắt được cơ sở hình thành nên các bản hiến pháp trong lịch sử lập hiến của Việt Nam.	Kiến thức
CLO2	Hiểu được các vấn đề cơ bản trong hiến pháp như chế độ chính trị; quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân; các nguyên tắc tổ chức và hoạt động của bộ máy Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; chế độ bầu cử; vị trí pháp lý, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức các cơ quan trong Bộ máy nhà nước Việt Nam.	Kiến thức
CLO3	Xác định, giải thích được nội dung cốt lõi của các chế định cơ bản trong hiến pháp, sự thay đổi về nội dung điều chỉnh qua mỗi bản hiến pháp.	Kiến thức
CLO4	Vận dụng các kiến thức về luật hiến pháp để đánh giá về các quy định trong hiến pháp hiện hành.	Kỹ năng
CLO5	Có thái độ tôn trọng pháp luật và sự hiểu biết đúng đắn về đặc thù của hiến pháp Việt Nam thông qua việc tìm hiểu đọc nội dung các bản Hiến pháp trong lịch sử lập hiến Việt Nam và hiến pháp của một số quốc gia khác.	Mức tự chủ và trách nhiệm

5) Nội dung học phần

TT	Nội dung	Số giờ			Đáp ứng CDR học phần	Phương pháp dạy học	Phương pháp đánh giá	Yêu cầu tự học
		LT	TH	Tự học				
1	CHƯƠNG 1: KHÁI QUÁT VỀ HIẾN PHÁP VÀ LỊCH SỬ LẬP HIẾN VIỆT NAM 1.1 Hiến pháp – Đạo luật cơ bản của nhà nước	2	1	6	CLO1 CLO2	Thuyết giảng.	[1], [4];[5].	Đọc chương 1 giáo trình chính
	1.1.1 Khái niệm và các đặc trưng cơ bản của hiến pháp 1.1.2 Các giai đoạn phát triển của hiến pháp 1.1.3 Cấu trúc hiến pháp 1.1.4 Phân loại hiến pháp 1.1.5 Quy trình làm hiến pháp, sửa đổi hiến pháp 1.1.6 Các mô hình cơ quan bảo hiến 1.2 Sự ra đời và phát triển của							

TT	Nội dung	Số giờ			Đáp ứng CDR học phần	Phương pháp dạy học	Phương pháp đánh giá	Yêu cầu tự học
		LT	TH	Tự học				
	nền lập hiến Việt Nam 1.2.1 Tư tưởng lập hiến trước Cách mạng tháng 8 năm 1945 1.2.2 Hiến pháp năm 1946 1.2.3 Hiến pháp năm 1959 1.2.4 Hiến pháp năm 1980 1.2.5 Hiến pháp năm 1992 1.2.6 Hiến pháp năm 2013							
2	CHƯƠNG 2: CHẾ ĐỘ CHÍNH TRỊ 2.1 Khái niệm chế độ chính trị 2.2 Chính thể của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam 2.3 Bản chất của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam 2.4 Hệ thống chính trị của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam 2.5 Chính sách đại đoàn kết và đường lối dân tộc của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam 2.6 Chính sách đối ngoại của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam	2	1	10	CLO1 CLO2 CLO3 CLO5	Thuyết giảng; Thảo luận nhóm.	[1]; [2];[4] [5].	Đọc chương 2 giáo trình chính
3	CHƯƠNG 3: QUỐC TỊCH VIỆT NAM 3.1 Khái niệm quốc tịch 3.2. Một số vấn đề cơ bản trong nội dung pháp luật về quốc tịch trên thế giới 3.3. Những vấn đề cơ bản trong pháp luật quốc tịch Việt Nam	2	1	11	CLO2, CLO5.	Thuyết giảng; Hoạt động nhóm (các nhóm báo cáo chuyên đề)	[1]; [2]; [3]; [4]; [5].	Chuẩn bị chuyên đề. Đọc chương 3 giáo trình chính
4	CHƯƠNG 4: QUYỀN CON NGƯỜI, QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CƠ BẢN CỦA CÔNG DÂN 4.1 Khái niệm, phân loại, các đặc trưng của quyền con người 4.2 Khái niệm, phân loại, các đặc trưng của quyền và nghĩa vụ	3	2	16	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	Thuyết giảng; Thảo luận.	[1]; [2]; [4]; [5].	Đọc chương 4 giáo trình chính

TT	Nội dung	Số giờ			Đáp ứng CĐR học phần	Phương pháp dạy học	Phương pháp đánh giá	Yêu cầu tự học
		LT	TH	Tự học				
	<p>cơ bản của công dân</p> <p>4.3 Những nguyên tắc hiến pháp của chế định quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân</p> <p>4.4 Quyền con người theo Hiến pháp 2013</p> <p>4.5 Quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân theo Hiến pháp 2013</p> <p>4.6 Sự phát triển chế định quyền con người, quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân qua các Hiến pháp năm 1946, 1959, 1980, 1992, 2013</p>							
5	<p>CHƯƠNG 5: KHÁI QUÁT VỀ BỘ MÁY NHÀ NƯỚC VIỆT NAM</p> <p>5.1 Khái niệm về bộ máy Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam</p> <p>5.2 Bộ máy Nhà nước Việt Nam qua 5 bản Hiến pháp</p> <p>5.3 Các nguyên tắc cơ bản về tổ chức và hoạt động của bộ máy Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam</p>	3	1	12	CLO2, CLO3, CLO4, CLO5	Thuyết giảng; Thảo luận.	[1]; [2]; [3]; [4]; [5].	Làm tình huống chương 4. Đọc chương 5 giáo trình chính
6	<p>CHƯƠNG 6: CHẾ ĐỘ BẦU CỬ</p> <p>6.1 Khái niệm chế độ bầu cử</p> <p>6.2 Các nguyên tắc bầu cử</p> <p>6.3 Tiến trình của một cuộc bầu cử</p> <p>6.4 Việc bãi nhiệm đại biểu</p>	3	1	10	CLO3, CLO4, CLO5	Thuyết giảng; Hoạt động nhóm (các nhóm báo cáo chuyên đề.	[1]; [2]; [3]; [4]; [5].	Chuẩn bị chuyên đề. Đọc chương 6 giáo trình chính
7	<p>CHƯƠNG 7: QUỐC HỘI</p> <p>7.1 Khái quát về sự ra đời và phát triển của Quốc hội Việt Nam</p> <p>7.2 Vị trí, tính chất và chức năng của Quốc hội</p> <p>7.3 Nhiệm vụ và quyền hạn của</p>	3	1	10	CLO2, CLO3, CLO4, CLO5	Thuyết giảng; Thảo luận.	[1]; [2]; [3]; [4]; [5].	Làm tình huống chương 6. Đọc chương 7 giáo trình

TT	Nội dung	Số giờ			Đáp ứng CDR học phần	Phương pháp dạy học	Phương pháp đánh giá	Yêu cầu tự học
		LT	TH	Tự học				
	Quốc hội 7.4 Cơ cấu tổ chức của Quốc hội 7.5 Các cơ quan giúp việc của Quốc hội 7.6 Kỳ họp Quốc hội, Đại biểu Quốc hội							chính
8	CHƯƠNG 8: CHỦ TỊCH NƯỚC 8.1 Vị trí của Chủ tịch nước trong bộ máy nhà nước 8.2 Thẩm quyền của Chủ tịch nước 8.3 Việc bầu Chủ tịch nước và Phó Chủ tịch nước 8.4 Hội đồng quốc phòng và an ninh	3	1	8	CLO1, CLO5	Thuyết giảng; Thảo luận.	[1]; [2]; [5].	Làm tình huống chương 8. Đọc chương 8 giáo trình chính
9	CHƯƠNG 9: CHÍNH PHỦ 9.1 Khái quát về sự ra đời và phát triển của Chính phủ Việt Nam 9.2 Vị trí, tính chất và chức năng của Chính phủ 9.3 Nhiệm vụ, quyền hạn của Chính phủ 9.4 Cơ cấu, tổ chức của Chính phủ 9.5 Các hình thức hoạt động của Chính phủ	3	2	8	CLO3, CLO4, CLO5	Thuyết giảng; Thảo luận nhóm.	[1]; [2]; [3]; [4]; [5].	Đọc chương 9 giáo trình chính Hệ thống hóa học phần.
10	CHƯƠNG 10: TÒA ÁN NHÂN DÂN, VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN 10.1 Sự hình thành và phát triển của Tòa án nhân dân và Viện kiểm sát nhân dân 10.2 Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Tòa án nhân dân và Viện kiểm sát nhân dân 10.3 Các nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Tòa án nhân dân và Viện kiểm sát nhân dân 10.4 Hệ thống và cơ cấu tổ chức của Tòa án nhân dân và Viện	3	2	6	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	Thuyết giảng; Thảo luận nhóm.	[1]; [2]; [3]; [4]; [5].	Đọc chương 10 giáo trình chính Làm tình huống chương 10

TT	Nội dung	Số giờ			Đáp ứng CDR học phần	Phương pháp dạy – học	Phương pháp đánh giá	Yêu cầu tự học
		LT	TH	Tự học				
	kiểm sát nhân dân 10.5 Thẩm phán, hội thẩm, thư ký tòa án, thẩm tra viên, Kiểm sát viên, kiểm tra viên							
11	CHƯƠNG 11: CHÍNH QUYỀN NHÂN DÂN 11.1 Vị trí, tính chất, chức năng của hội đồng nhân dân và ủy ban nhân dân 11.2 Nhiệm vụ, quyền hạn của hội đồng nhân dân và ủy ban nhân dân 11.3 Tổ chức và các hình thức hoạt động của hội đồng nhân dân và ủy ban nhân dân	3	2	8	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	Thuyết giảng; Thảo luận nhóm.	[1]; [2]; [3]; [4]; [5].	Đọc chương 11 giáo trình chính Làm tình huống chương

6) Phương pháp dạy – học

6.1. Lý thuyết

TT	Phương pháp dạy	Phương pháp học tập trên lớp	Vật liệu giảng dạy
1	Thuyết giảng	Lắng nghe, trả lời câu hỏi, đặt câu hỏi, làm bài tập	Giáo trình chính
2	Thảo luận nhóm	Phân chia nhóm, trao đổi, thảo luận nhóm, trình bày, nộp sản phẩm thảo luận	Chủ đề thảo luận Giáo trình chính
3	Báo cáo chuyên đề	Phân chia chuyên đề, phân nhóm, từng nhóm báo cáo và trao đổi thảo luận	Chuyên đề viết báo cáo. Giáo trình chính

6.2. Phương pháp hướng dẫn tự học bắt buộc:

- Hướng dẫn và chia nhóm: mỗi nhóm tối đa 8 sinh viên, bầu nhóm trưởng và thư ký nhóm.
- Nhóm trưởng nhận chủ đề nghiên cứu và báo cáo từ giảng viên đứng lớp.
- Nhóm trưởng phân công các thành viên trong nhóm triển khai các công việc (ghi nhận, đánh giá chất lượng và thời gian thực hiện của các thành viên).
- Hoàn thành sản phẩm theo yêu cầu và thời gian giảng viên yêu cầu.
- Nghiên cứu giáo trình chính và hoàn thành tình huống được giao.

7) Tài liệu dạy và học

❖ *Tài liệu giảng dạy (giáo trình chính):*

9.2 Ma trận tương thích phương pháp dạy – đáp ứng chuẩn đầu ra học phần

Phương pháp dạy – học	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5
Thuyết giảng	X	X	X		
Thảo luận nhóm	X	X		X	X
Báo cáo chuyên đề	X	X			X

9.3. Ma trận tương thích phương pháp đánh giá đáp ứng chuẩn đầu ra học phần

Phương pháp đánh giá	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5
Tích cực tham gia hoạt động trên lớp	X	X	X		X
Thảo luận nhóm, báo cáo chuyên đề	X	X			X
Tự học		X	X		X
Trắc nghiệm, tự luận	X	X		X	X
Tiểu luận cá nhân	X	X		X	X

10. CÁC RUBRIC/THANG ĐIỂM ĐÁNH GIÁ

10.1 Đánh giá điểm tích cực tham gia hoạt động trên lớp

Số giờ nghỉ học so với số giờ quy định của học phần	Mức cho điểm
Không vắng, có phát biểu xây dựng bài.	10 điểm
Vắng học: < 10%, có phát biểu xây dựng bài.	7-9 điểm
Vắng học: từ 10% đến < 25%, có phát biểu xây dựng bài.	5-7 điểm
Vắng học: từ 25% đến < 40%.	3-5 điểm
Vắng học: từ 40% đến < 60%.	0- 3 điểm
Vắng học: 60%	0 điểm

10.2. Đánh giá phương pháp trắc nghiệm, tự luận

Tiêu chí	Kém (0-3.9)	Yếu (4.0-5.4)	Trung bình (5.5-6.9)	Khá (7.0-8.4)	Giỏi (8.5-10)
Nội dung trắc nghiệm	Không chọn đúng được các câu hỏi kiến thức cơ bản	Trả lời được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản	Trả lời được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản và tương đối khó (50%≤80%)	Trả lời được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản và khó (80%≤90%)	Trả lời được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản, khó và rất khó (90%≤100%)
Nội dung tự luận	Không làm được được các câu hỏi kiến thức cơ bản	Làm được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản	Làm được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản và tương đối khó	Làm được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản và khó (80%≤90%)	Làm được đúng các câu hỏi kiến thức cơ bản, khó và rất khó

		(50%≤80%)	(90%≤100%)
--	--	-----------	------------

10.3 Đánh giá điểm bài tập tự học

Số bài tập tự học được giao	Mức cho điểm
Làm bài tập đầy đủ (90%≤100%)	10 điểm
Làm bài tập chưa đầy đủ (80%≤90%)	7-9 điểm
Làm bài tập chưa đầy đủ (50%≤80%)	5-7 điểm
Làm bài tập chưa đầy đủ (30%≤50%)	3-5 điểm
Làm bài tập chưa đầy đủ (≤30%)	0 – 3 điểm
Không làm bài tập	0 điểm.

10.4 Rubric: Báo cáo chuyên đề/ Thảo luận nhóm

Tiêu chí	Mức độ	Các tiêu chí đánh giá
1. Hình thức trình bày 2. Nội dung báo cáo phù hợp, cập nhật 3. Phong cách trình bày 4. Trả lời các câu hỏi đặt ra	Kém (0-3.9)	Không đạt 4 tiêu chí
	Yếu (4.0-5.4)	Đạt 1 tiêu chí
	Trung bình (5.5-6.9)	Đạt 2 tiêu chí
	Khá (7.0-8.4)	Đạt 3 tiêu chí
	Giỏi (8.5-10)	Đạt 4 tiêu chí

10.5 Tiểu luận cá nhân cuối kỳ (Nếu sử dụng phương pháp đánh giá này)

Tiêu chí	Mức độ	Các tiêu chí đánh giá
1. Hình thức trình bày 2. Phương pháp nghiên cứu 3. Nội dung tiểu luận phù hợp, cập nhật 4. Hàm ý kiến nghị đề xuất	Kém (0-3.9)	Không đạt 4 tiêu chí
	Yếu (4.0-5.4)	Đạt 1 tiêu chí
	Trung bình (5.5-6.9)	Đạt 2 tiêu chí
	Khá (7.0-8.4)	Đạt 3 tiêu chí
	Giỏi (8.5-10)	Đạt 4 tiêu chí

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 9 năm 2024

TUQ. hiệu trưởng
Trưởng phòng QLĐT

Trưởng khoa

Trưởng bộ môn

Giảng viên biên soạn

PGS.TS. Phan Thị Hằng Nga

TS. Đoàn Ngọc Phúc

TS. Tô Thị Đông Hà

ThS. Hồ Thị Thanh Trúc

PHỤ LỤC

DANH SÁCH GIẢNG VIÊN, GIẢNG VIÊN HỖ TRỢ CÓ THỂ THAM GIA GIẢNG DẠY HỌC PHẦN

Giảng viên phụ trách học phần

Họ và tên: Hồ Thị Thanh Trúc	Học hàm, học vị: Thạc sĩ, nghiên cứu sinh
Địa chỉ cơ quan: 778 Nguyễn Kiệm, phường 4, quận Phú Nhuận, Tp. Hồ Chí Minh	Điện thoại liên hệ: 0909022483
Email: hotruc@ufm.edu.vn	Trang web: https://ufm.edu.vn
Cách liên lạc với giảng viên: bằng email hoặc tại văn phòng Khoa Kinh tế - Luật	

Giảng viên hỗ trợ học phần/trợ giảng (nếu có)

Họ và tên:	Học hàm, học vị:
Địa chỉ cơ quan:	Điện thoại liên hệ:
Email:	Trang web:
Cách liên lạc với giảng viên: (nêu rõ hình thức liên lạc giữa sinh viên với giảng viên/trợ giảng)	

Giảng viên doanh nhân/Cán bộ hướng dẫn của doanh nghiệp (nếu có)

Họ và tên:	Học hàm, học vị:
Địa chỉ cơ quan:	Điện thoại liên hệ:
Email:	Trang web:
Cách liên lạc với giảng viên: (nêu rõ hình thức liên lạc giữa sinh viên với giảng viên/trợ giảng)	